

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/DS-ST

Ngày 13 – 7 – 2018

“V/v tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Dương Hùng Quang**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Thái Văn Trung**

Ông Lê Văn Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tô Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2018/TLST- DS, ngày 07 tháng 05 năm 2018 về việc tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quốc A**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 16, đường Lý B, khóm 7, phường 2, thành phố Cà M, tỉnh Cà M.

Bị đơn: Ông **Đỗ Văn K** (Đỗ Quốc K), sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Bà **Trương Ngọc Á** (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 36,39 đường Lý B, khóm 5, phường 4, thành phố Cà M, tỉnh Cà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 24/04/2018, đơn kiện bổ sung ngày 09/05/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc A trình bày:*

Vào ngày 31/12/2014 và ngày 20/12/2015 bà Trương Ngọc Á và ông Đỗ Văn K có tham gia chơi 07 chũng hụi của 02 dây hụi do ông làm chủ. Cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Vào ngày 31/12/2014 (ngày 10/11/2014 âm lịch), ông có mở hụi loại hụi 5.000.000 đồng, 10 ngày khui 01 lần, hụi gồm 49 chân. Bà Á, ông K tham gia chơi 05 chân. Ông K bà Á đã hốt toàn bộ 05 chân, cụ thể:

-Lần thứ nhất, ngày 10/11/2014 ân số tiền giao là 194.680.000đ.

-Lần thứ hai, ngày 20/11/2014 ân số tiền giao là 193.800.000đ.

-Lần thứ ba, ngày 10/12/2014 ân số tiền giao là 193.490.000đ.

-Lần thứ tư, ngày 20/11/2017 ân số tiền giao là 193.490.000đ.

-Lần thứ năm, ngày 30/12/2017 số tiền giao là 193.490.000đ.

Tổng cộng 05 lần hội ông đã giao số tiền là 968.950.000đ. Sau đó, ông K, bà A đã đóng hội được 46 kỳ thì ngưng cho đến nay. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/7/2018 dương lịch) ông K, bà A còn nợ ông 03 kỳ hội với số tiền là 75.000.000đ.

Dây thứ hai: Vào ngày 20/12/2015 (Ngày 10/11/2015 âm lịch), ông mở hội loại hội 5.000.000đồng, 10 ngày khui một lần, dây hội có 47 chân. Ông K bà A chơi 02 chân. Ông K và bà A đã hốt toàn bộ 02 chân, cụ thể:

-Lần thứ nhất 10/11/2015 số tiền giao là 199.150.000đ.

-Lần thứ hai 20/11/2015 số tiền giao là 198.700.000đ.

Sau khi hốt hội ông K, bà A đóng hội được 10 kỳ đến ngày 10/02/2016 (âm lịch) thì ngưng cho đến nay. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/7/2018 dương lịch) ông K, bà A còn nợ ông 37 kỳ bằng số tiền 370.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hội tính đến ngày mãn hội ông K, bà A còn nợ ông 372.000.000đ. Yêu cầu ông K và bà A thanh toán số tiền trên. Đồng thời, ông yêu cầu ông K và bà A phải cùng có trách nhiệm thanh toán. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Đối với ông Đỗ Văn K tại tòa hôm nay vắng mặt. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 29/5/2018, bị đơn ông K trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 31/12/2014 dl và ngày 20/12/2015 dl ông có tham gia 02 dây hội, tổng cộng là 07 chân hội do ông A làm chủ. Các lần hốt hội và số tiền nợ hội đúng như lời trình bày của ông A. Trong thời gian chơi hội ông K đã hốt tất cả 07 chân hội và ông A cũng đã giao đủ số tiền hốt hội cho ông. Sau khi phát sinh tranh chấp ông có thanh toán cho ông A số tiền 73.000.000đ. Ông K thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho ông A tổng số tiền còn nợ là 372.000.000đ, nhưng xin được trả dần. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông yêu cầu mỗi tháng thanh toán cho ông A số tiền là 5.000.000 đồng/tháng. Số nợ trên do ông K tự chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán.

Đối với bà Trương Ngọc Á tại tòa hôm nay vắng mặt: Kể cả các lần Tòa án triệu tập bà Á đều vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Đối với bà Á, ông K mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Á ông K vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Á và ông K.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, giữa các bên đều thống nhất số nợ mà bị đơn phải thanh toán. Ông K thừa nhận có tham gia 02 dây hụi, tổng cộng 07 chân hụi do ông A làm chủ cụ thể: Vào ngày 31/12/2014 dl ông K tham gia 05 chân hụi, loại hụi 5.000.000 đồng. Hiện tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/7/2018 dl ông K còn nợ ông A 03 kỳ hụi tương ứng số tiền là 75.000.000 đồng. Vào ngày 20/11/2015 dl ông K tham gia tiếp dây hụi 5.000.000đ. Ông K chơi 02 chân, 10 ngày khui một lần, dây hụi có 47 chân. Ông K hốt kỳ thứ nhất và thứ hai. Sau khi hốt ông K đóng lại được 10 kỳ. Ông K còn nợ ông A 37 kỳ bằng số tiền 370.000.000 đồng.

Ông A cho rằng quá trình chơi hụi ông K đã hốt 07 chân hụi trên và ông A đã chung đủ số tiền hụi cho vợ chồng ông K. Hiện tính đến ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng ông K còn nợ ông A tương ứng số tiền 372.000.000 đồng. Bởi vì sau khi đổi chiếu quyết toán vợ chồng ông K có thanh toán cho ông A số tiền 73.000.000đ. Ông K thừa nhận nợ và đồng ý thanh toán cho ông A tổng cộng số tiền là 372.000.000 đồng đúng như yêu cầu của ông A. Xét thấy, khoản nợ hụi còn lại các bên thống nhất với nhau phù hợp với biên bản ngày 11/4/2018, 29/5/2018 và việc tự nguyện thỏa thuận chơi hụi, nợ hụi giữa đôi bên trên tinh thần tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm thanh toán: Ông A yêu cầu ông K và bà A cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ hụi còn thiếu. Ông A cho rằng ông K chơi hụi bà A biết và khi ông K hốt hụi ông giao tiền có mặt cả ông K bà A. Tại biên bản thỏa thuận ngày 11/4/2018, bà A có mặt và ký tên vào biên bản cùng chứng tỏ bà A biết khoản nợ này. Đối với ông K lại cho rằng đây là khoản nợ của cá nhân ông, bà A không biết, ông tự chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho ông A.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù việc chơi hụi, danh sách hụi ghi tên ông K nhưng bà A biết sự việc và trong thời gian chơi hụi, hốt hụi, nợ hụi đều diễn ra trong thời gian ông K, A còn chung sống với nhau. Vì vậy, ông K và bà A cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông A là phù hợp.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ: xét thấy thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án này.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc A không phải chịu án phí. Ông K, bà A phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 144, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Đỗ Văn K (Đỗ Quốc K) và bà Trương Ngọc A thanh toán cho ông Nguyễn Quốc A tổng số tiền là 372.000.000đ (Ba trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày Nguyễn Quốc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ông K, bà A không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông K và bà A phải nộp là 18.600.000 đồng (chưa nộp).

Ông A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp vào ngày 07/05/2018 là 9.300.000 đồng theo biên lai số 0000758 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Ông A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông K và bà A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

Dương Hùng Quang